



MARKET LENS

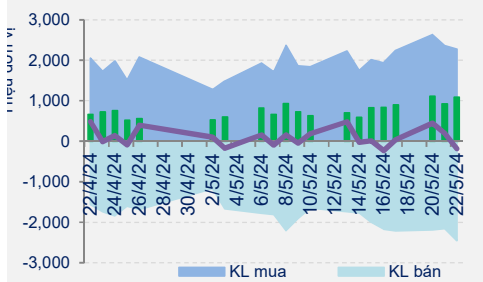
Phiên giao dịch ngày: 22/5/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

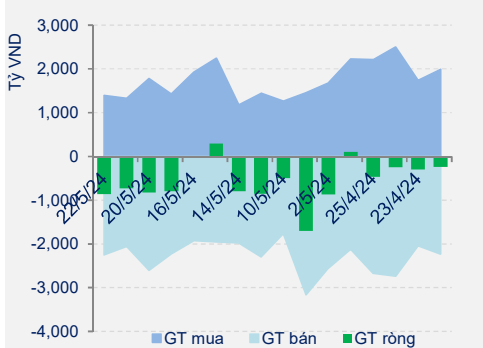
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,266.91	245.15
% Thay đổi	↓ -0.80%	↑ 0.76%
KLGD (CP)	1,084,914,003	138,874,482
GTGD (tỷ đồng)	28,015.82	2,762.97
Tổng cung (CP)	2,451,527,008	201,113,100
Tổng cầu (CP)	2,273,199,438	182,754,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	66,930,028	3,528,655
KL mua (CP)	44,054,023	3,848,417
GT mua (tỷ đồng)	1,392.09	92.68
GT bán (tỷ đồng)	2,251.47	70.85
GT ròng (tỷ đồng)	(859.37)	21.83

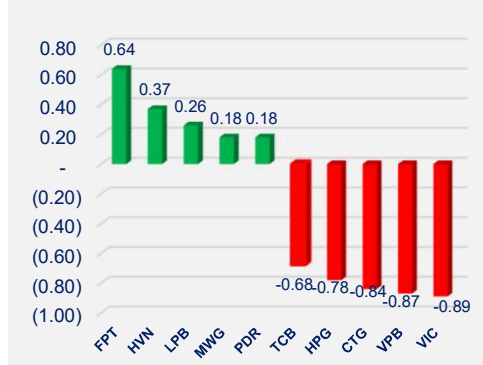
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau khi phục hồi cuối phiên trước, VN-INDEX đầu phiên tăng lên vùng giá quanh 1.282 điểm, đỉnh giá phiên giảm mạnh 15/04/2024 và tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh mạnh hơn. Kết phiên VN-INDEX giảm 10,23 điểm (-0,80%), về mức 1.266,91 điểm với thanh khoản gia tăng và đang chịu áp lực kiểm tra lại vùng giá cao nhất năm 2023 tương ứng 1.255 điểm. HNX-INDEX vẫn duy trì tích cực tăng 1,86 điểm (+0,76%) lên mức 245,15 điểm, hướng đến đỉnh giá tháng 03/2024 quanh 245 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch nghiêng về tiêu cực với áp lực điều chỉnh gia tăng ở vùng kháng cự mạnh khi có 371 mã giảm giá (07 mã giảm sàn), 261 mã tăng (19 mã tăng trần) và 114 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 30.766,14 tỉ đồng được giao dịch, tăng 17,09% so với phiên trước, vượt mức trung bình cho thấy áp lực điều chỉnh đang bắt đầu gia tăng mạnh hơn và mở rộng sang nhiều mã/nhóm mã. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trên sàn HOSE với giá trị 856,92 tỷ đồng, phần lớn đến từ áp lực bán ròng của quỹ Fubon khi quỹ này đang bán ròng 10 phiên liên tiếp, tập trung ở các cổ phiếu ngân hàng, bất động sản, thép trong VN30; mua ròng trên HNX với giá trị 21,83 tỉ đồng.

Ngày 21/5/2024, tại cuộc họp Phòng chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho biết Việt Nam mới hoàn thành tốt 1/4 nhóm khuyến nghị từ phía Ủy ban châu Âu (EC), 3 nhóm nội dung còn lại đều còn hạn ché. Lần kiểm tra thứ 5 tới đây của EC, dự kiến trong tháng 9 hoặc 10 là cơ hội cuối cùng của Việt Nam, bởi Nghị viện châu Âu sắp bầu cử. Nếu không thể gỡ thẻ vàng dịp này, chúng ta sẽ phải chờ khoảng 3 năm nữa để đón đoàn kiểm tra tiếp theo.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng ảnh hưởng kém tích cực đến chỉ số khi hầu hết đều giảm điểm, thanh khoản gia tăng mạnh hơn với ABB (-6,59%), VPB (-2,66%), CTG (-1,93%)... ngoài NVB (+9,47%) tăng giá đột biến, VAB (+2,00%), LPB (+1,97%)... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính cũng phân hóa, đa số tăng điểm rất tốt trong đầu phiên, sau đó chịu áp lực bán, điều chỉnh cuối phiên, tuy nhiên nhiều mã vẫn tăng giá tốt, thanh khoản khá đột biến như HCM (+2,69%), DSC (+2,32%)... ngoài các mã giảm giá với VCI (-1,57%), CSI (-1,07%), CTS (-1,03%)...

Mặc dù VN-INDEX đang chịu áp lực điều chỉnh, tích lũy khi gặp vùng kháng cự mạnh, tuy nhiên thị trường vẫn duy trì nhiều mã/nhóm mã tăng giá tốt, có tính chất luân chuyển như nhóm bất động sản, khu công nghiệp với nhiều mã tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến với CSC (+9,80%), DTD (+9,74%), FIR (+6,99%), HDC (+6,84%), VRC (+6,77%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh như QCG (-3,85%), AGG (-3,44%), TCH (-2,77%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí cũng có diễn biến khá nổi bật, tập trung ở các mã chưa tăng nhiều, trên sàn upcom khi tăng giá mạnh, thanh khoản rất đột biến như BSR (+8,00%), OIL (+7,07%), PVC (+3,11%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản gia tăng trên mức trung bình PVT (-2,68%), VTO (-1,97%), PVB (-1,95%)... Các mã phân bón vẫn duy trì xu hướng khá tích cực với BFC (+3,76%), LAS (+0,44%)... ngoài DDV (-3,06%), DCM (-0,13%)...

Một số nhóm chịu áp lực điều chỉnh như chăn nuôi với HAG (-4,70%), DBC (-2,00%)... thủy sản VHC (-2,06%), ANV (-1,40%)... dệt may với MSH (-3,04%), VGT (-2,50%), TNG (-2,29%)... xây dựng, vật liệu xây dựng như FCN (-2,52%), KSB (-1,55%), VCG (-1,52%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 giảm mạnh 19,9 điểm (-1,52%), chênh lệch dương 0,74 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng mạnh 32,35% so với phiên trước, trên mức trung bình. Cho thấy các vị thế bán, phòng ngừa rủi ro gia tăng mạnh vượt mức khi VN30 biến động mạnh và không giữ được vùng giá cao nhất tháng 03/2024 quanh 1.295 điểm -1.305 điểm. Xu hướng ngắn hạn VN30F2406 chuyển sang điều chỉnh tích lũy với vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.285 điểm, kháng cự vùng đỉnh giá cao nhất tháng 03/2024. Các kỳ hạn VN30F2407, VN30F2409, VN30F2412 chênh lệch từ -2,04 điểm đến -0,16 điểm so với VN30 cho thấy các trader đang kết thúc kỳ vọng lạc quan ngắn hạn và gia tăng phòng ngừa rủi ro ngắn hạn với VN30.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


VN-INDEX tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh mạnh hơn khi gặp vùng kháng cự mạnh 1.282 điểm - 1.287 điểm tương ứng với vùng điểm số trước khi giảm mạnh cũng như vùng giá cao nhất tháng 09/2022. Đóng cửa VN-INDEX giảm 10,23 điểm (-0,80%) về mức 1.266,91 điểm và đang có xu hướng chịu áp lực kiểm tra lại vùng giá cao nhất năm 2023 quanh 1.250 điểm.

Trong ngắn hạn, sau khi VN-INDEX vượt lên trên vùng kháng cự mạnh 1.250 điểm để quay trở lại kênh giá 1.250 điểm -1.300 điểm, chỉ số đang chịu áp lực kiểm tra lại vùng dưới của kênh giá này. Thị trường vẫn luân phiên phục hồi với các mã/ nhóm mã chưa tăng nhiều, có vùng giá dưới hay tương đương VN-INDEX 1.250 điểm.

Xu hướng trung hạn của VN-INDEX trở lại kênh tích lũy 1.250 điểm - 1.300 điểm sau nhịp giảm điểm mạnh. Trong ngắn hạn VN-INDEX đang chịu áp lực điều chỉnh, tích lũy để kiểm tra lại vùng giá cao nhất năm 2023 tương ứng quanh 1.250 điểm. Trường hợp tích cực nếu VN-INDEX phục hồi tốt ở vùng hỗ trợ này thì vẫn kỳ vọng sẽ quay trở lại vùng giá quanh 1.282 điểm tương ứng giá cao nhất phiên giảm mạnh 15/04/2024.

VN-INDEX đang có diễn biến rung lắc như dự kiến sau khi vượt lên kháng cự mạnh 1.250 điểm với đặc điểm thị trường ngắn hạn là đang luân phiên phục hồi với các nhóm mã vốn hóa trung bình, nhỏ với kỳ vọng phục hồi lên lại vùng giá đỉnh tháng 03/2024 tương tự chỉ số VN30 khi VN-INDEX đã vượt lên vùng 1.250 điểm. Thị trường vẫn đang duy trì những vị thế ngắn hạn tốt đối với các mã chưa phục hồi nhiều, phù hợp các vị thế ngắn hạn. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân theo chúng tôi khuyến nghị tiếp tục nắm giữ danh mục và hạn chế mua đuổi. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và nên chờ nhịp điều chỉnh nếu muốn giải ngân thêm do mặt bằng giá hiện tại không còn quá hấp dẫn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 22/5/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DCM	38.75	33-34	40-42	32	16.8	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
VEA	40.16	37.5-38.6	46-47	35	8.5	-11.0%	4.5%	Theo dõi giải ngân
BSR	21.10	19-20	26-28	18	8.2	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MIG	19.00	18-18.6	21.5-22	17	11.4	-9.5%	12.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	35.20	32	38-39	34	10.0%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	36.00	32.2	37-38	34	11.8%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	17.10	14.2	18-18.5	16.4	20.4%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	40.50	36.8	43-44	39	10.1%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	31.00	28.75	32-33	30	7.8%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	138.00	114.2	145-150	132	20.8%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Dòng vốn FDI đổ vào bất động sản tăng hơn 4 lần so với cùng kỳ 2023**

Số liệu của Tổng cục thống kê công bố, tổng vốn FDI tính đến 20/4 đăng ký vào Việt Nam gồm vốn đăng ký cấp mới, đăng ký điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, đạt gần 9,27 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ 2023. Trong đó, kinh doanh BĐS là lĩnh vực đứng vị trí thứ hai trong thu hút dòng vốn FDI, với hơn 1,6 tỷ USD (đứng đầu là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với số vốn đăng ký gần 5 tỷ USD). Như vậy, so với cùng kỳ 2023, vốn FDI đổ vào BĐS tăng hơn 4 lần. Ngoài ra, giá trị vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 4 tháng đầu năm nay ước đạt gần 6,3 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 4 tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó, kinh doanh BĐS đạt 607,6 triệu USD.

Tỷ giá USD hôm nay 22/5: USD ngân hàng tiếp tục sát mức trần của NHNN

Tỷ giá trung tâm hôm nay (22/5) được NHNN công bố ở mức 24.254 VND/USD, tăng 3 đồng so với mức niêm yết hôm qua. Áp dụng biên độ 5%, tỷ giá USD các NHTM được phép giao dịch là 23.041 - 25.467 VND/USD. Lúc 11h ngày 22/5, các NHTM niêm yết tỷ giá VND/USD quanh mốc 25.236 (mua vào), 25.466 (bán ra), tăng 3 đồng so với phiên 21/5 và bám sát giá trần theo quy định. Tỷ giá trên thị trường tự do ghi nhận xu hướng đi ngang ở chiều mua vào và tăng nhẹ 10 đồng ở chiều bán ra, giao dịch quanh vùng 25.730 - 25.740 VND/USD.

Bộ Công Thương đẩy nhanh hoàn thiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam

Logistics Việt Nam năm 2023 đạt nhiều kết quả tích cực: Chỉ số hiệu quả logistics (LPI) đạt 3,3 điểm, đứng thứ 43/154 thế giới; thứ 5 trong các nước ASEAN, tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ cao, 14% - 16%/năm, với quy mô khoảng 40 - 42 tỷ USD/năm, số doanh nghiệp logistics tăng nhanh, các trung tâm logistics quy mô lớn đang gia tăng,... Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành logistics Việt Nam còn hạn chế như năng lực cạnh tranh thấp, 89% doanh nghiệp đang hoạt động là DN trong nước, quy mô vừa và nhỏ (95%), nhưng chỉ chiếm 30% thị phần, chi phí logistics cao hơn nhiều so với các nước trên thế giới (18% GDP, bình quân thế giới là 14%), đóng góp vào GDP chỉ từ 4% - 5%,... Vì vậy, ngành dịch vụ logistics cần có những định hướng, điều chỉnh, cập nhật để phát triển mạnh và bền vững, xây dựng "Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025 - 2035, tầm nhìn đến 2045" là cấp thiết.

Giải ngân vốn ODA mới đạt 8,58% kế hoạch

Theo BTC, tính đến hết ngày 15/5, tỷ lệ giải ngân vốn ĐTC nguồn vốn nước ngoài của các bộ, ngành mới đạt 8,58% kế hoạch (802,549 tỷ đồng). Trong đó 2 bộ, ngành có tỷ lệ giải ngân trên 10% (Bộ GTVT, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); 8 bộ, ngành chưa giải ngân kế hoạch vốn 2024 (Bộ Lao động thương binh và xã hội, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ QP, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Bộ GDĐT, Bộ Tài nguyên Môi trường). Tỷ lệ giải ngân đầu tư công nguồn vốn nước ngoài còn thấp, chủ yếu do: chậm giải phóng mặt bằng, chậm trong khâu đấu thầu, thiết kế kỹ thuật; dự án phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, hiệp định vay; chậm nhận ý kiến không phản đối của nhà tài trợ ... Ngoài ra, trong các tháng đầu năm, một số bộ, ngành vẫn tập trung giải ngân kế hoạch vốn năm 2023

TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Hà Đô (HDG): Được chấp thuận lập quy hoạch loạt khu công nghiệp tổng quy mô 1.000 ha

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô (HDG) cho biết, sau khi được FiiRatings đánh giá xếp hạng tín nhiệm ở mức “A” với triển vọng “Ổn định” vào năm 2023, công ty tiếp tục duy trì được mức xếp hạng này trong đợt đánh giá cuối tháng 2 vừa qua. Đáng chú ý, mảng BĐS khu công nghiệp – lĩnh vực mới được Tập đoàn Hà Đô công bố phát triển hồi đầu năm đã ghi nhận các động thái tích cực. Ban lãnh đạo HDG cho biết đã được UBND các tỉnh Ninh Thuận, Hưng Yên, Long An chấp thuận nghiên cứu lập quy hoạch các KCN trên địa bàn tỉnh với tổng quy mô khoảng 1.000 ha. Ngoài ra, lãnh đạo UBND tỉnh Kiên Giang đã trao biên bản ghi nhớ đầu tư cho Tập đoàn Hà Đô đối với dự án khu đô thị có quy mô 99 ha, với tổng vốn đầu tư 3.000 tỷ đồng. Dự án này được đánh giá có vị trí “đắc địa” với mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80 và đường bờ biển dài 2km, ngay cạnh trung tâm thành phố Hà Tiên.

PNJ hoàn thành 43% kế hoạch doanh thu trong 4 tháng đầu năm

Sau 4 tháng đầu năm 2024, CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ) ghi nhận doanh thu tăng 33,1% so với cùng kỳ năm ngoái, lợi nhuận sau thuế tăng 6,5% so với cùng kỳ. Cụ thể, theo báo cáo kinh doanh 4 tháng năm 2024, doanh thu PNJ đạt 16.049 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 915 tỷ đồng. Trong đó, hoạt động kinh doanh của PNJ tăng trưởng đều ở tất cả các kênh và về cơ cấu tổng doanh thu, mảng trang sức chiếm tỷ trọng cao 56,8% (49,2% bán lẻ và 7,6% bán sỉ). Mặt khác, tổng chi phí hoạt động tăng 29,3%. Tỷ lệ chi phí hoạt động/lợi nhuận gộp 4 tháng tăng từ mức 52% lên mức 57% do sự thay đổi về hành vi mua sắm của khách hàng. Hiện PNJ là thương hiệu bán lẻ trang sức hàng đầu Việt Nam với mạng lưới với 403 cửa hàng có mặt 57/63 tỉnh, thành cả nước.

Shinhan Finance huy động thành công hợp vốn quốc tế 40 triệu USD

Mới đây, Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Shinhan Finance) vừa công bố hoàn tất thủ tục vay hợp vốn có thời hạn 2 năm, trị giá 40 triệu USD (hơn 1.000 tỷ đồng) với Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) và Ngân hàng WOORI, Chi nhánh Singapore... Đây là khoản vay hợp vốn quốc tế góp phần bổ sung nguồn vốn lưu động tại Shinhan Finance và đồng thời mở rộng năng lực tài chính, đáp ứng nhu cầu tài chính cho người tiêu dùng tại thị trường Việt Nam.

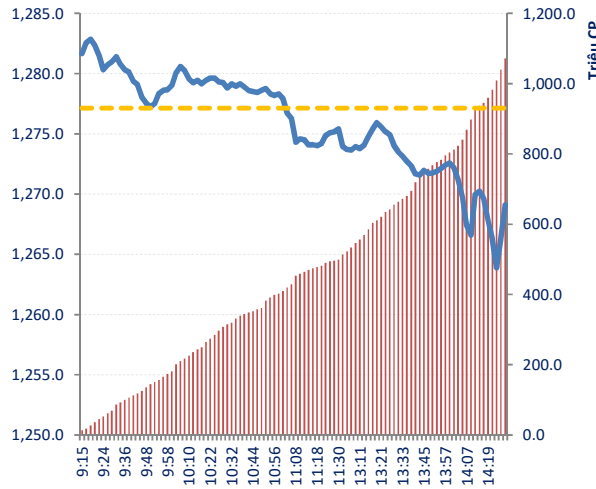
SCIC chào bán cổ phần tại Savina (VNB) với giá cao hơn 22% thị giá

Theo thông tin công bố trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã phê duyệt phương án chào bán cạnh tranh cổ phần tại Công ty cổ phần Sách Việt Nam (Savina, mã chứng khoán VNB). Tổng số lượng cổ phần mà SCIC chào bán tại VNB là gần 6,8 triệu cổ phần, tương đương toàn bộ phần vốn của SCIC đang nắm giữ tại công ty này (tỷ lệ 10%). Giá chào bán khởi điểm là 15.700 đồng/cổ phiếu. Bước giá 100 đồng, tối đa được đặt hai mức giá. Cổ phần chào bán là cổ phần phổ thông, được tự do chuyển nhượng. Đóng cửa phiên giao dịch ngày 21/5 cổ phiếu VNB của Công ty cổ phần Sách Việt Nam có thị giá 12.800 đồng/cổ phiếu. Như vậy so với thị giá hiện tại, giá chào bán mà SCIC đưa ra đang cao hơn 22,6%.

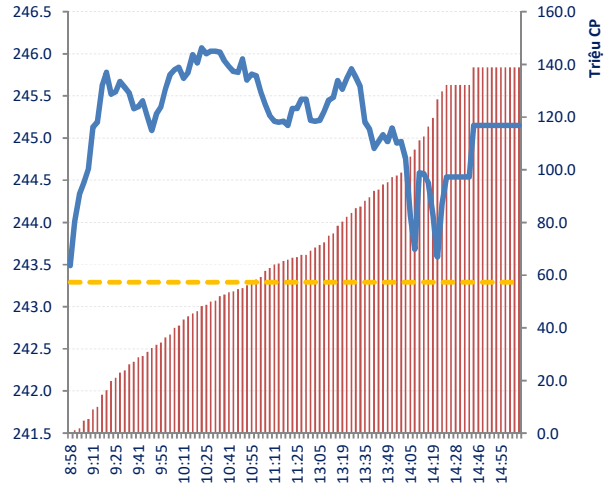


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

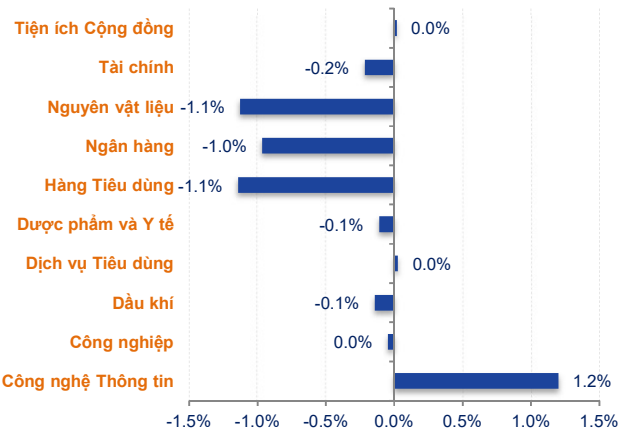
KLGD và VN-Index trong phiên



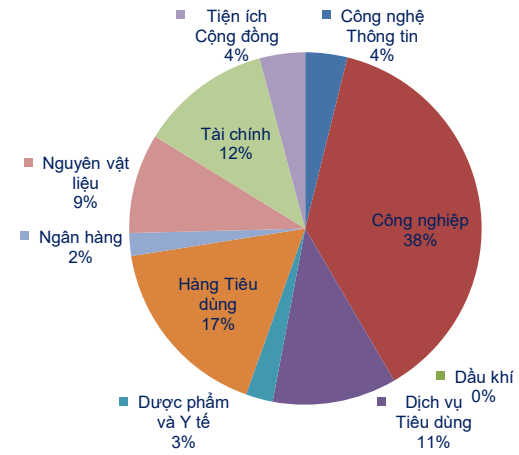
KLGD và HNX-Index trong phiên



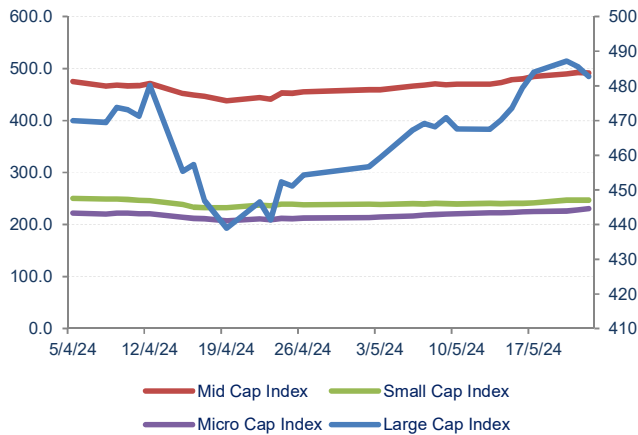
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



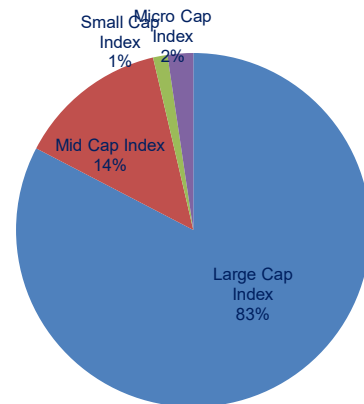
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NVL	2,641,697	HAG	3,808,300	1	CEO	555,100	NVB	860,500
2	HCM	1,583,076	VHM	3,131,800	2	HUT	492,000	TIG	146,200
3	PDR	1,528,643	HPG	2,577,859	3	IDJ	317,600	NDN	107,900
4	NLG	1,392,200	VIC	2,470,425	4	IDC	194,900	NRC	100,000
5	DBC	1,193,270	VRE	2,356,211	5	PVS	175,652	TNG	81,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.85	11.65	↓ -1.69%	56,932,600	SHS	19.50	19.30	↓ -1.03%	28,434,226
VPB	19.80	18.30	↓ -7.58%	47,304,457	HUT	17.40	18.20	↑ 4.60%	8,368,563
HPG	31.85	31.30	↓ -1.73%	40,508,723	CEO	19.00	19.20	↑ 1.05%	8,313,006
LPB	22.80	23.25	↑ 1.97%	38,381,973	PVC	16.10	16.60	↑ 3.11%	6,968,563
HAG	14.90	14.20	↓ -4.70%	36,523,100	IDJ	6.70	7.20	↑ 7.46%	6,479,208

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FIR	7.58	8.11	0.53	↑ 6.99%	NTP	49.00	53.90	4.90	↑ 10.00%
SFG	12.90	13.80	0.90	↑ 6.98%	HTC	23.10	25.40	2.30	↑ 9.96%
HAS	8.41	8.99	0.58	↑ 6.90%	PEN	6.10	6.70	0.60	↑ 9.84%
PAC	40.60	43.40	2.80	↑ 6.90%	CSC	29.60	32.50	2.90	↑ 9.80%
LSS	11.65	12.45	0.80	↑ 6.87%	KSQ	4.10	4.50	0.40	↑ 9.76%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VPB	19.80	18.30	-1.50	↓ -7.58%	TKU	16.20	14.60	-1.60	↓ -9.88%
TNC	55.80	51.90	-3.90	↓ -6.99%	HMR	32.70	29.50	-3.20	↓ -9.79%
CIG	5.70	5.31	-0.39	↓ -6.84%	TXM	5.80	5.30	-0.50	↓ -8.62%
S4A	41.00	38.30	-2.70	↓ -6.59%	ALT	14.80	13.60	-1.20	↓ -8.11%
SFC	22.00	20.65	-1.35	↓ -6.14%	MKV	9.90	9.10	-0.80	↓ -8.08%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	56,932,600	15.6%	2,151	5.5	0.8
VPB	47,304,457	8.9%	1,525	13.0	1.1
HPG	40,508,723	9.2%	1,601	19.9	1.8
LPB	38,381,973	21.6%	2,914	7.8	1.6
HAG	36,523,100	26.6%	1,739	8.6	1.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	28,434,226	5.7%	688	28.4	1.5
HUT	8,368,563	0.7%	97	178.9	1.4
CEO	8,313,006	2.8%	365	52.1	1.6
PVC	6,968,563	1.3%	190	84.9	1.2
IDJ	6,479,208	5.0%	584	11.5	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FIR	↑ 7.0%	1.9%	223	34.0	0.6
SFG	↑ 7.0%	4.2%	565	22.8	0.9
HAS	↑ 6.9%	-1.4%	(242)	-	0.5
PAC	↑ 6.9%	12.7%	2,515	16.1	2.0
LSS	↑ 6.9%	6.2%	1,301	9.0	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NTP	↑ 10.0%	17.6%	4,245	11.5	2.0
HTC	↑ 10.0%	15.0%	2,788	8.3	1.2
PEN	↑ 9.8%	-26.4%	(3,145)	-	0.6
CSC	↑ 9.8%	5.6%	1,473	20.1	1.1
KSQ	↑ 9.8%	3.0%	265	15.5	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	2,641,697	1.4%	315	45.3	0.6
HCM	1,583,076	10.0%	1,506	19.7	2.0
PDR	1,528,643	7.8%	1,018	25.1	2.0
NLG	1,392,200	3.0%	1,041	42.4	1.3
DBC	1,193,270	8.9%	1,729	20.3	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	555,100	2.8%	365	52.1	1.6
HUT	492,000	0.7%	97	178.9	1.4
IDJ	317,600	5.0%	584	11.5	0.6
IDC	194,900	31.7%	5,880	10.6	3.2
PVS	175,652	7.1%	1,992	22.8	1.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	509,166	20.0%	5,838	15.6	2.9
BID	285,022	18.1%	3,841	13.0	2.2
HPG	185,201	9.2%	1,601	19.9	1.8
CTG	180,700	16.2%	3,751	9.0	1.4
VIC	177,609	6.1%	2,307	20.1	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	21,700	7.1%	1,992	22.8	1.6
IDC	20,559	31.7%	5,880	10.6	3.2
SHS	15,857	5.7%	688	28.4	1.5
HUT	15,530	0.7%	97	178.9	1.4
MBS	14,355	13.0%	1,475	22.2	2.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSH	2.43	-9.6%	(1,295)	-	0.5
CCL	2.38	8.9%	1,014	9.1	0.8
DC4	2.28	16.4%	2,022	5.8	0.9
FIR	2.26	1.9%	223	34.0	0.6
TCD	2.13	1.7%	230	30.0	0.5

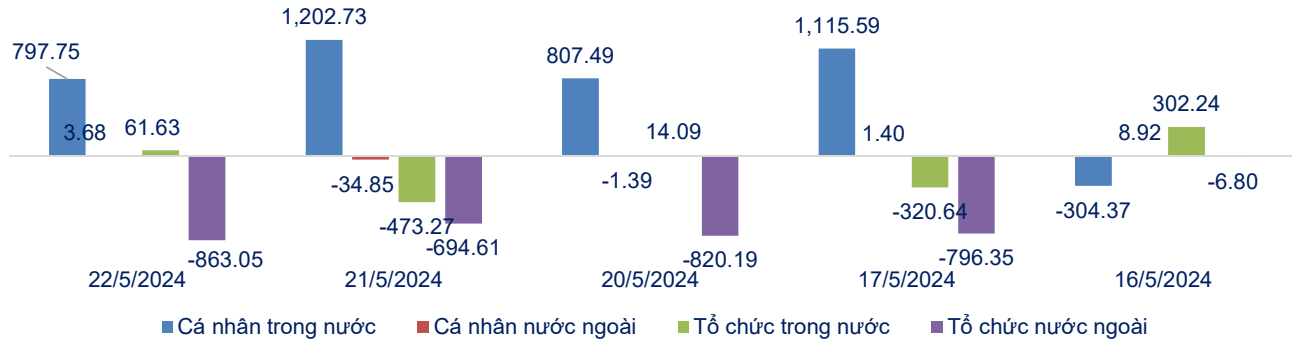
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	4.07	9.2%	1,214	26.9	2.5
API	3.42	-6.9%	(772)	-	0.7
IDJ	3.00	5.0%	584	11.5	0.6
PHN	2.61	39.6%	8,294	9.6	3.4
DTD	2.54	11.0%	2,729	11.3	1.2



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	463.53	8.9%	1,525	13.0	1.1
FPT	214.23	22.8%	5,338	25.5	5.4
VHM	148.84	12.1%	5,074	7.9	0.9
VIC	108.65	6.1%	2,307	20.1	1.1
VNM	80.13	26.0%	4,410	15.0	3.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-150.58	4.4%	717	84.4	3.4
NLG	-94.31	3.0%	1,041	42.4	1.3
MBB	-77.29	21.5%	3,864	6.1	1.2
HVN	-61.77	0.0%	(642)	-	-
SSI	-49.38	11.1%	1,703	21.6	2.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	6.13	16.2%	3,751	9.0	1.4
FPT	4.05	22.8%	5,338	25.5	5.4
ACB	3.86	23.0%	4,072	6.9	1.5
KBC	3.35	4.9%	1,274	24.6	1.2
DIG	2.20	-0.3%	(38)	-	2.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	-5.09	10.0%	1,506	19.7	2.0
VNM	-4.48	26.0%	4,410	15.0	3.9
VTP	-4.47	23.2%	2,981	27.7	6.2
TV2	-2.12	4.2%	828	49.0	2.0
HDG	-1.70	8.8%	2,061	15.6	1.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	142.00	4.4%	717	84.4	3.4
HPG	110.61	9.2%	1,601	19.9	1.8
SSI	92.35	11.1%	1,703	21.6	2.3
MBB	67.17	21.5%	3,864	6.1	1.2
TCB	64.39	15.2%	5,606	8.4	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-420.64	8.9%	1,525	13.0	1.1
FPT	-138.31	22.8%	5,338	25.5	5.4
PC1	-56.63	2.8%	651	43.5	1.2
DGC	-28.86	24.6%	7,884	16.0	3.8
HAH	-28.85	10.3%	2,978	14.8	1.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	60.74	3.0%	1,041	42.4	1.3
HCM	53.77	10.0%	1,506	19.7	2.0
DBC	40.77	8.9%	1,729	20.3	1.8
PDR	40.02	7.8%	1,018	25.1	2.0
NVL	38.13	1.4%	315	45.3	0.6

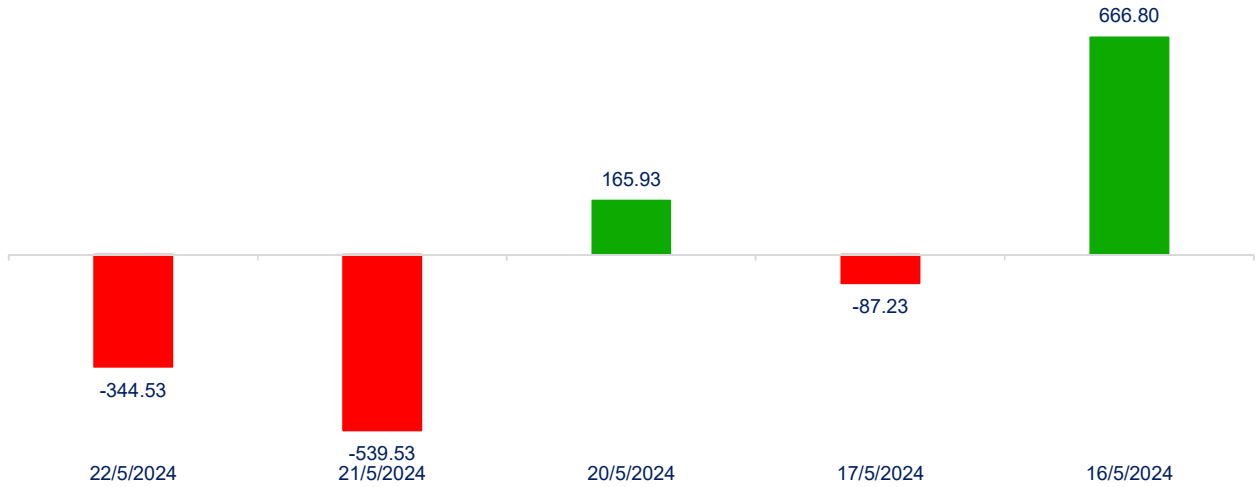
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-127.72	12.1%	5,074	7.9	0.9
VIC	-115.22	6.1%	2,307	20.1	1.1
HPG	-82.53	9.2%	1,601	19.9	1.8
FPT	-79.97	22.8%	5,338	25.5	5.4
VNM	-74.90	26.0%	4,410	15.0	3.9

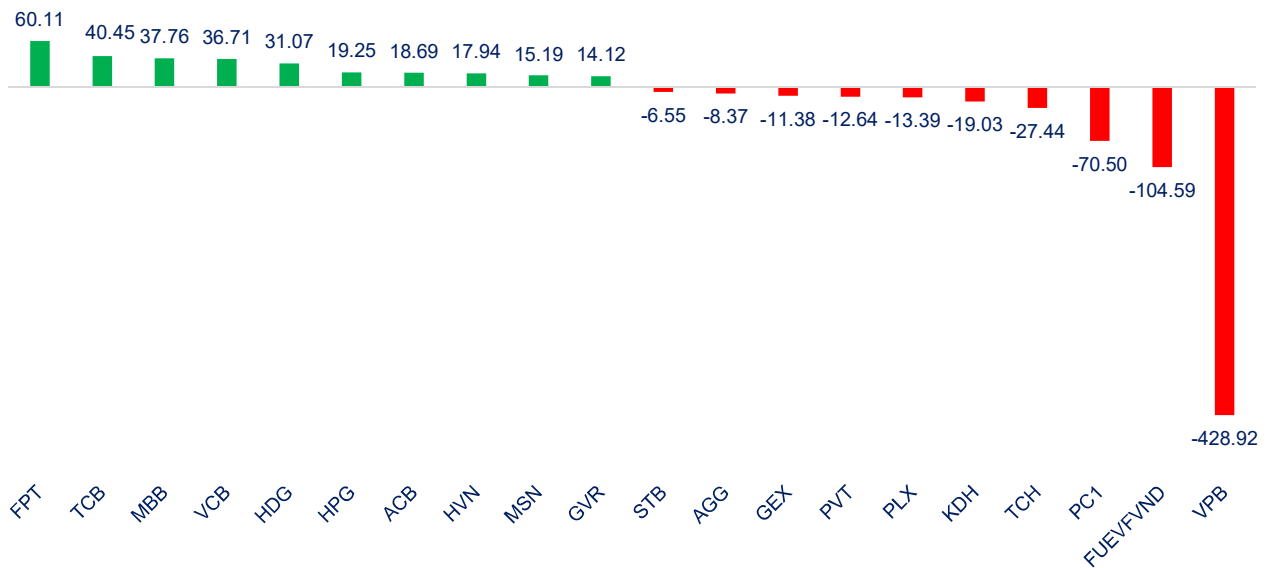


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
